

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/DS-PT
Ngày 13-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Bùi Văn Biên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLPT-DS ngày 12-12-2023 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng và quyền nhận tiền hỗ trợ bồi thường QSD đất bị thu hồi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn B, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Đội 4, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H: Anh Trần Việt H, sinh năm 1990; Nơi thường trú: C4, khu A, tập thể H, tổ 7, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 15-3-2023);

- **Bị đơn:** Bà Mai Thị H, sinh năm 1960; Quê quán: Thôn N1 T (Đội 7 cũ), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định; Nơi thường trú: Tổ 5, Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị H: Ông Vũ Quang Vân, sinh năm 1956; Nơi thường trú: Thôn N1, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 17-7-2023);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn Ngh, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1973; Cùng nơi thường trú: Thôn N1 T(Đội 7 cũ), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Ngh: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1973; Nơi thường trú: Thôn N1 Tây, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định;

- *Người kháng cáo:* Bà Mai Thị H là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm: Có mặt anh Trần Việt H, ông Vũ Quang Vây. Vắng mặt ông Vũ Văn B, bà Phạm Thị H, bà Mai Thị H, ông Vũ Văn Ngh, bà Vũ Thị Nh.

NỘI DUNG VỤÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13-3-2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là Vũ Văn B, bà Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà H là anh Trần Việt H trình bày:

Ngày 01-7-1999, vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H có nhờ em trai ông là ông Vũ Văn Ngh đứng tên nhận chuyển nhượng hộ diện tích đất ruộng của gia đình ông Vũ Đình L (chết năm 2012) và vợ là bà Mai Thị H gồm 03 thửa ruộng hai lúa với tổng diện tích là 1260 m², Gồm: Thửa số 534/9 diện tích 360m²; thửa số 395/28 diện tích 360m² và thửa số 526/16, diện tích 540m², các thửa ruộng này đều thuộc đội 7 tại xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định. Giá chuyển nhượng đất ruộng là 400.000 đồng/1 sào. Giữa ông Ngh với ông L có lập Giấy chuyển quyền sử dụng đất hai lúa, giấy này có xác nhận của đội sản xuất số 7 và của UBND xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định. Cùng năm đó, gia đình ông L bán toàn bộ nhà đất đang ở chuyển vào miền Nam sinh sống.

Từ năm 1999 đến năm 2013, gia đình ông B đổi phần đất ruộng đã mua của gia đình ông L cho gia đình ông Ngh để tiện cho việc canh tác của hai gia đình. Năm 2013 sau khi dồn điền đổi thửa, phần đất ruộng gia đình ông B nhận chuyển nhượng từ gia đình ông L có diện tích 1216m², nằm trong thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2 xã Tr1. Gia đình ông B không đổi đất ruộng cho gia đình ông Ngh nữa nên lấy lại đất ruộng tại thửa 531/7. Sau đó, gia đình ông B lại đổi phần đất ruộng tại thửa 531/7 cho gia đình chị Nguyễn Thị Là để tiện việc canh tác giữa hai nhà. Sau hai vụ, gia đình chị Là đã trả lại đất ruộng tại thửa 531/7 cho gia đình ông B, gia đình ông B canh tác vài vụ tại thửa 531/7, sau đó cho gia đình anh Phong, gia đình bác Đăng mượn lại phần ruộng này để cấy lúa.

Năm 2023 Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất ruộng tại thửa số 531/7, gia đình ông B được bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi là 1216m², số tiền được bồi thường là 243.200.000 đồng nhưng bà H không đồng ý nên gia đình ông khởi kiện đề nghị Tòa án:

Công nhận gia đình ông B được quyền sử dụng hợp pháp của 1216m² đất tại thửa số 531/7, tờ bản đồ số 2 tại xã Tr1.

Gia đình ông B được nhận 243.360.000 đồng là số tiền Nhà nước bồi thường

khí thu hồi 1216m² đất tại thửa số 531/7.

* Tại Đơn trình bày, Bản tự khai, Biên bản hòa giải, bị đơn là bà Mai Thị H trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, vì: Ngày 01-7-1999 gia đình bà có cho gia đình ông Vũ Văn Ngh thuê đất ruộng gồm: 360m² tại thửa đất số 534/9; 360m² tại thửa đất số 395/28 và 540m² tại thửa đất số 526/16 tại xã Tr1, huyện Tr. Thời gian thuê diện tích đất ruộng nêu trên từ ngày 01-7-1999 đến năm 2013. Tuy nhiên do thiếu hiểu biết về pháp luật nên giữa hai bên lập văn bản với tiêu đề “Giấy chuyển quyền sử dụng đất hai lúa”.

Sau khi dồn điền đổi thửa, Nhà nước cấp lại cho gia đình bà thửa đất ruộng là thửa số 531/7 tờ bản đồ số 2, diện tích 1928m². Gia đình bà chỉ cho ông Ngh thuê đất ruộng, nên gia đình ông B, bà H không có quyền khởi kiện đối với bà.

* Tại Biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Vũ Quang Vây trình bày: Gia đình bà H có chuyển nhượng đất ruộng vào năm 1999, nhưng việc chuyển nhượng này là có điều kiện, chỉ chuyển nhượng đến năm 2013. Việc người sử dụng đất ruộng phải nộp thuế đối với phần đất ruộng nhận chuyển nhượng là nghĩa vụ của người sử dụng đất ruộng. Vì vậy, diện tích đất ruộng thuộc quyền sử dụng của bà H, bà H được nhận tiền bồi thường.

* Tại Bản tự khai, Biên bản đôi chất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn Ngh có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng tóm tắt ý kiến của ông Ngh như sau:

Năm 1999 do gia đình ông L đi miền Nam sinh sống nên gia đình ông đã mua 03 thửa đất ruộng của gia đình ông L gồm: Thửa đất số 534/9, diện tích 360²; Thửa đất số 395/29 diện tích 360m² và thửa đất số 526/16 diện tích 540m², tại xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định. Giá đất ruộng chuyển nhượng là 400.000 đồng/sào. Thời hạn sử dụng theo hợp đồng ghi là đến năm 2013. Vài tháng sau, ông B nói với ông là để lại số đất ruộng của gia đình ông đã mua của ông L cho ông, gia đình ông đã đồng ý. Ông B đã trả cho gia đình ông số tiền là 400.000 đồng/1 sào, tổng số tiền tương đương với số tiền gia đình ông đã bỏ ra để nhận chuyển nhượng đất ruộng của gia đình ông Lưu. Theo ông, đất ruộng đã trả cho gia đình bà H, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Nh: Đồng ý với ý kiến của ông Vũ Văn Ngh và không có ý kiến gì khác.

* UBND xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Trước đây gia đình ông Vũ Đình L và bà Mai Thị H có 05 thửa đất 02 lúa gồm: Thửa 534/9 diện tích 360m²; Thửa 395/28 diện tích 360m²; Thửa 668/1 diện tích 306m²; Thửa 526/16 diện tích 540m²; Thửa 527/3 diện tích 435m². Các thửa đất này đều thuộc tờ bản đồ số 2 xã Tr1. Ngoài ra còn 01 thửa đất mạ là thửa 667/11 diện tích 252m². Năm 2012 sau khi dồn điền đổi thửa, 05 thửa đất hai lúa nêu trên của gia đình bà H được dồn thành 01 thửa là thửa đất số 531/7, tờ bản đồ số 2 xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định, thửa đất có diện tích 1.928m² mang tên ông Vũ Đình L (Hà).

Năm 1999 khi chuyển vào miền Nam sinh sống ông L đã lập 03 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất 2 lúa cho 3 hộ, trong đó chuyển nhượng cho hộ ông Vũ Văn Ngh 1.260m² đất gồm thửa 526/16 diện tích 540m², thửa 395/28 diện tích 360m² và thửa 534/9 diện tích 360m². Cả ba giấy chuyển nhượng nêu trên được lập cùng ngày 01-7-1999, thời hạn chuyển nhượng đến hết năm 2013, có xác nhận của đội sản xuất số 7 và của UBND xã Tr1. Trong giấy chuyển nhượng đất hai lúa chỉ ghi đến năm 2013 vì theo quy định thì đất hai lúa Nhà nước giao có thời hạn đến năm 2013, sau đó Nhà nước giao lại và gia hạn tiếp cho người sử dụng.

Sau khi dồn điền đổi thửa năm 2012, phần đất ruộng gia đình ông Ngh nhận chuyển nhượng của gia đình bà H còn 1.216m², phần đất ruộng gia đình bà Thanh nhận chuyển nhượng của gia đình bà H còn 712m² và đều nằm trong thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2, xã Tr1. Theo phương án bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện Tr, thửa đất 531/7 được bồi thường 200.000 đồng/1m² gồm tiền đất và tiền hỗ trợ của Nhà nước và thửa đất 531/7 bị thu hồi toàn bộ 1.928m².

Năm 1999 sau khi gia đình ông L chuyển nhượng nhà, đất, đất ruộng thì gia đình ông L chuyển khẩu vào miền Nam sinh sống. Từ đó cho đến nay gia đình ông L không quay về sống tại xã Tr1.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn và Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

Đại diện của bị đơn có quan điểm: Bà H chỉ cho ông Nghiên, bà Nhẫn mượn đất đến năm 2013. Quyết định của UBND huyện Tr cũng ghi thu hồi đất của bà H. Khi dồn điền đổi thửa bà H có điện về nhờ ông Bảy nhận hộ ruộng. Sau khi ông Bảy nhận hộ ruộng ông Bảy cho ai mượn đất ông không biết. Vì vậy quyền sử dụng diện tích đất ruộng đang tranh chấp là của bà H. Bà H được quyền nhận tiền bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nghiên, bà Vũ Thị Nhân giữ nguyên nội dung đã trình bày, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào các Điều 117, 118, 133, 181, 201, 202, 286, 395, 400, 409 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 75, Điều 76 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998; Điều 74, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng” giữa vợ chồng ông B với bà Mai Thị H.

Công nhận vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H được quyền sử dụng đối

với 1.216m² đất ruộng tại thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H được quyền nhận số tiền Nhà nước bồi thường là 243.200.000 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*) khi Nhà nước thu hồi 1.216m² đất ruộng gia đình ông B được quyền sử dụng, số đất này nằm trong 1.928m² đất tại thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định bị Nhà nước thu hồi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 243.200.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

* Ngày 30-9-2023 bà Mai Thị H là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 27-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Tr, tỉnh Nam Định với lý do ông Vũ Đình L đã chết nhưng quá trình thụ lý và xét xử không đưa các con của vợ chồng bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của gia đình bà, tiêu đề của giao dịch là chuyển nhượng nhưng thực chất là thuê đất. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Tr.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Việt H là người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Vũ Quang Vây là người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Trần Việt H là người đại diện theo uỷ quyền của ông B, bà H, ông Vũ Quang Vây là người đại diện theo uỷ quyền của bà H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Việt H là người đại diện theo uỷ quyền của ông B, bà H, ông Vũ Quang Vây là người đại diện theo uỷ quyền của bà H tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc số tiền 243.200.000 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*) khi Nhà nước thu hồi 1.216m² đất ruộng tại thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định. Ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 133.200.000 đồng. Bà Mai Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 110.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các

đương sự. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Việt H là người đại diện theo uỷ quyền của ông B, bà H, ông Vũ Quang Vây là người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Số tiền 243.200.000 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*) khi Nhà nước thu hồi 1.216m² đất ruộng tại thửa đất 531/7, tờ bản đồ số 2, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định. Ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 133.200.000 đồng. Bà Mai Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 110.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 300 BLTTDS, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B, bà Phạm Thị H được chấp nhận nên ông B, bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Cần buộc bà Mai Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H không phải nộp, bà Mai Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng hiện nay bà H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 118, Điều 133, Điều 181, Điều 201, Điều 202, Điều 286, Điều 395, Điều 400, Điều 409 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 75, Điều 76 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998; Điều 74, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Việt H là người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Văn B, bà Phạm Thị H; ông Vũ Quang Vây là người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị H về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng và quyền nhận tiền hỗ trợ bồi thường quyền sử dụng đất bị

thu hồi giữa các bên như sau:

2. Ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 133.200.000đ (một trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Bà Mai Thị H có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện Tr, tỉnh Nam Định để được nhận số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông B, bà H số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông B, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002247 ngày 23-3-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Buộc bà Mai Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Mai Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, bị đơn, người phải thi hành án dân sự người có nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

